

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 307 /2023/DS-PT

Ngày 14 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hằng

Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trương Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2023/TLPT-DS ngày 10/7/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’Leo bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 226/2023/QĐ-PT ngày 01/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2023/QĐ-PT, giữa các đương sự

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Điều vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn B trình bày:

Do quen biết với nhau, ngày 24/6/2018 âm lịch, ông Phạm Văn B có cho vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 01%/tháng, hẹn đến ngày 20/12/2018 trả đủ. Đến hạn trả nợ ông T, bà T1 không trả nợ mà bỏ đi đâu ông B không biết, khi liên lạc qua

điện thoại thì vợ chồng ông T cũng không về trả nợ, không báo cho ông B biết nơi cư trú để ông đến đòi nợ, cố tình giấu địa chỉ.

Khi vay vợ chồng ông T có thể chấp cho ông B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 735091 do UBND huyện E cấp ngày 21/9/2009 cho hộ ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 43, tờ bản đồ 66, diện tích 156m², tại thôn F, xã N, huyện E.

Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà T1 trả số nợ 300.000.000 đồng và lãi suất 01%/tháng trong hạn cộng với lãi suất quá hạn kể từ ngày quá hạn đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 có đăng ký hộ khẩu tại thôn F, xã N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhưng đã đi khỏi địa phương, không báo cho chính quyền địa phương biết, hiện nay không còn cư trú tại địa phương. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập, làm việc được với ông T, bà T1 nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B.

- Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất ngày 24/6/2018 giữa ông Phạm Văn B với vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 không được công chứng có hiệu lực về phần vay tài sản, vô hiệu về phần thế chấp tài sản.

- Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Phạm Văn B số tiền 510.450.000 đồng (Năm trăm mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó, nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 04/5/2023 là 210.450.000 đồng.

Kể từ ngày 05/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc ông Phạm Văn B phải trả lại cho ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 735091 do UBND huyện E cấp ngày 21/9/2009 cho hộ ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 43, tờ bản đồ 66, diện tích 156m², đất tọa lạc tại thôn F, xã N, huyện E.

2. Về chi phí giám định: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 5.100.000 đồng chi phí giám định chữ viết, chữ ký. Số tiền này ông Phạm Văn B đã nộp tạm ứng nên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Phạm Văn B 5.100.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

3. Về án phí dân sự: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 24.418.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn B 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0010677 ngày 21/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/5/2023, nguyên đơn ông Phạm Văn B có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B phải trả lại cho ông T, bà T1 GCNQSDĐ số AO 735091 do UBND huyện E cấp ngày 21/9/2009 cho hộ ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 là không đúng, vì đây là tài sản ông T, bà T1 đã thế chấp cho ông B để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng tiền gốc. Đề nghị HĐXX xem xét lại nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn B giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn B; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng:

Ngày 04/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm. Ngày 18/5/2023, nguyên đơn ông Phạm Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của ông B là trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 đã bỏ đi khỏi địa phương nên Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. HĐXX phúc thẩm quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn B, HĐXX xét thấy:

Ông B khởi kiện yêu cầu ông T, bà T1 trả số nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà T1 đã bỏ đi khỏi địa phương, không biết nơi cư trú hiện nay. Vì vậy, căn cứ Kết luận giám định số 313/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã có đủ cơ sở xác định chữ ký, chữ viết tại Giấy vay tiền ngày 24/6/2018 đúng là chữ ký, chữ viết của ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T, bà T1 phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho ông B là đúng quy định pháp luật.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên, ông T, bà T1 có thể chấp cho ông B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 735091 do UBND huyện E cấp ngày 21/9/2009 cho hộ ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 43, tờ bản đồ 66, diện tích 156m², đất tọa lạc tại thôn F, xã N, huyện E. Tuy nhiên, việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất phải được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E mới đúng quy định pháp luật, nhưng ông B thừa nhận hai bên đã không thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm nên việc thế chấp quyền sử dụng đất nói trên không có giá trị pháp lý và bị vô hiệu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông B có nghĩa vụ trả lại GCNQSDĐ cho ông T, bà T1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013, Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn B, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 04/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 159, Điều 160, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn B.

- Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất ngày 24/6/2018 giữa ông Phạm Văn B với vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 không được công chứng có hiệu lực về phần vay tài sản, vô hiệu về phần thế chấp tài sản.

- Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Phạm Văn B số tiền 510.450.000 đồng (Năm trăm mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó, nợ gốc là 300.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 04/5/2023 là 210.450.000 đồng.

- Buộc ông Phạm Văn B phải trả lại cho ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 735091 do UBND huyện E cấp ngày 21/9/2009 cho hộ ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 đối với thửa số 43, tờ bản đồ 66, diện tích 156m², đất tọa lạc tại thôn F, xã N, huyện E.

Kể từ ngày 05/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về chi phí giám định: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 5.100.000 đồng chi phí giám định chữ viết, chữ ký. Số tiền này ông Phạm Văn B đã nộp tạm ứng nên ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Phạm Văn B 5.100.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 24.418.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn B 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0010677 ngày 21/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011364 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm